

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-PT

Ngày 20-02-2019

V/v: “Tranh chấp về ly hôn và
nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Tiến Phương.

Các Thẩm phán:

1. Ông Cà Văn Pâng.

2. Bà Nguyễn Thị Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Huế - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Lò Thị Nga - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2018/TLPT-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2018, về việc: “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 331/2018/HNGĐ-ST, ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2019/QĐPT-HNGĐ, ngày 24 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Tòng Thị H - Sinh năm 1984; có mặt.

Địa chỉ: Đội 15, xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Anh Lò Văn P - Sinh năm 1977; có mặt.

Địa chỉ: Đội 15, xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

3. Người kháng cáo: Anh Lò Văn P - là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 26/4/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Tòng Thị H trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lò Văn P kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên vào ngày 15/01/2003. Anh chị kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 01 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P sử dụng chất ma túy, chị và gia đình đã động viên nhiều lần nhưng anh P vẫn không từ bỏ ma túy. Mâu thuẫn giữa chị và anh P ngày càng trầm trọng. Chị H nhận thấy tình cảm giữa chị và anh P không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn P.

Về con chung: Chị Tòng Thị H và anh Lò Văn P có 02 con chung là cháu Lò Anh Q, sinh ngày 01/6/2004 và cháu Lò Mạnh C, sinh ngày 08/01/2009. Quan điểm của chị H xin trực tiếp nuôi và chăm sóc 02 con chung cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản:

- Tài sản riêng, nợ lấy về: Chị H khai không có.
- Tài sản chung, nợ phải trả; diện tích ruộng: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 03/8/2018 bị đơn anh Lò Văn P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H kết hôn với nhau vào ngày 15/01/2003 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc. Vợ chồng chung sống hoàn toàn hạnh phúc, thỉnh thoảng có cãi nhau do bất đồng quan điểm, anh chưa bao giờ có hành vi đánh chị H. Những mâu thuẫn của anh và chị H đã nhiều lần được hòa giải nhưng chị H vẫn cương quyết xin ly hôn. Quan điểm của anh P không nhất trí ly hôn với chị H, vì anh thương hai con chung mong muốn được quay về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Anh và chị H có hai con chung là cháu Lò Anh Q, sinh ngày 01/6/2004 và cháu Lò Mạnh C, sinh ngày 08/01/2009. Quan điểm của anh P nếu vợ chồng ly hôn, hai con chung do ai trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng tùy thuộc vào nguyện vọng của các con.

Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung, nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai ngày 03/8/2018 của các cháu: Lò Anh Q và Lò Mạnh C trình bày:

Bố mẹ các cháu ly hôn, các cháu không có ý kiến gì. Cháu Q và cháu C đều có nguyện vọng được ở cùng mẹ, vì bố cháu sử dụng chất ma túy, thường xuyên đi làm thuê, nên không có thời gian để chăm sóc và cho các cháu đi học.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng anh P vẫn cố tình vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Bị đơn anh Lò Văn P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, không có đơn xin xét xử vắng mặt. Nguyên đơn chị Tòng Thị H vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P và giải quyết quan hệ con chung theo nội dung đơn xin ly hôn của chị đã trình bày.

Bản án sơ thẩm số 331/2018/HNGĐ-ST, ngày 23-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82; Điều 84 Luật HN&GD năm 2014; khoản 4 Điều 147/BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tòng Thị H được ly hôn anh Lò Văn P.

2. Về con chung: Chị Tòng Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Lò Anh Q, sinh ngày 01/6/2004 và cháu Lò Mạnh C, sinh ngày 08/01/2009 đến khi các con chung thành niên và có khả năng lao động. Chị H và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/12/2018, anh Lò Văn P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 331/2018/HNGĐ-ST, ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ với nội dung: Yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 331/2018/HNGĐ-ST nêu trên và không chấp nhận ly hôn với chị H, không giải quyết con chung cũng như tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn chị Tòng Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh Lò Văn P thay đổi yêu cầu kháng cáo, anh P không yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 331/2018/HNGĐ-ST, ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét về hôn nhân cho anh được quay lại đoàn tụ với chị H để nuôi dạy con cái cho đến tuổi trưởng thành.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện VKSND tỉnh Điện Biên phát biểu quan điểm về tính hợp pháp của kháng cáo; việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS năm 2015, không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Lò Văn P và giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 331/2018/HNGĐ-ST, ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn yêu cầu khởi kiện của chị Tòng Thị H đối với anh Lò Văn P được Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn cư trú tại xã H, huyện Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Đơn kháng cáo của bị đơn anh Lò Văn P nằm trong hạn luật định phù hợp với các Điều 271, 272 và 273 của BLTTDS năm 2015, kháng cáo hợp lệ, nên được xem xét, giải quyết.

[2] Xét nội dung kháng cáo:

Anh Lò Văn P đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 331/2018/HNGĐ-ST, ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ với lý do không nhất trí ly hôn với chị Tòng Thị H vì không muốn các con chung phải sống xa bố mẹ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh Lò Văn P thay đổi nội dung kháng cáo về việc không yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 331/2018/HNGĐ-ST, ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, vì bản án không vi phạm pháp luật. Nay anh P chỉ kháng cáo về Hôn nhân với nguyện vọng quay lại đoàn tụ với chị H để nuôi dạy con cái cho đến tuổi trưởng thành. Việc thay đổi nội

dung kháng cáo của anh P hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật HN&GD năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*.

Chị H và anh P kết hôn với nhau từ ngày 15/01/2003 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc; anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H khai là do anh P nghiện chất ma túy, anh P, chị H thường xuyên xô xát, cãi nhau; gia đình hai bên nội ngoại đã hòa giải nhiều lần nhưng anh P không tiếp thu, sửa chữa là phù hợp với các bản tự khai của các cháu Lò Anh Q, Lò Mạnh C (các bút lục số 36,37).

Còn anh P cũng thừa nhận việc kết hôn, chung sống hạnh phúc như chị H trình bày là đúng. Còn nguyên nhân mâu thuẫn không phải như chị H trình bày mà thực chất là do chị H vay nợ nhiều, anh P phải đi làm ăn xa, nên hay xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 10/8/2018 của Tòa án cấp sơ thẩm tại nơi cư trú của anh P, chị H đều khẳng định nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do anh P sử dụng chất ma túy, bên cạnh đó, thi thoảng chị H đi làm cồng, lẽ cho người dân qua đêm không về nhà. Từ đó, mâu thuẫn vợ, chồng ngày càng trầm trọng (bút lục số 39). Hơn nữa, anh P cũng thừa nhận việc mâu thuẫn vợ, chồng cũng đã được gia đình nội ngoại hòa giải nhiều lần nhưng chị H vẫn cương quyết xin ly hôn (bút lục số 35).

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm anh P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để hòa giải quay lại đoàn tụ nhưng đều cố tình vắng mặt không có lý do (BL số: 53). Tại phiên tòa sơ thẩm anh P cũng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt không có lý do (BL số: 65).

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh P và chị H đều thừa nhận trong quá trình giải quyết mâu thuẫn anh P đã có hành vi đánh đập chị H (tức là đã có bạo lực gia đình) tại gia đình ông Lò Văn S. Nay tình cảm chị H giành cho anh P không còn nữa. Từ khi chị H viết đơn đến Tòa án cấp sơ thẩm đề nghị giải quyết ly hôn đến nay, anh, chị không quan tâm đến nhau, việc ai người đó làm, không gặp nhau để hòa giải đoàn tụ được.

Như vậy, anh P, chị H không còn yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ, cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình. Từ đó, tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nữa, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết cho chị H được ly hôn với anh P là có cơ sở, cần chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn anh Lò Văn P; áp dụng khoản 1 Điều 308 của BLTTDS năm 2015 đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, nên cần chấp nhận.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, nhận thấy đơn kháng cáo của anh P không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận và giữ nguyên bản án sơ thẩm số 331/2018/HNGĐ-ST, ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của anh Lò Văn P không được chấp nhận, nên anh phương phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn anh Lò Văn P, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 331/2018/HNGĐ-ST, ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82; Điều 84 Luật HN&GD năm 2014; khoản 4 Điều 147/BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tòng Thị H được ly hôn anh Lò Văn P.

2. Về con chung: Chị Tòng Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Lò Anh Q, sinh ngày 01/6/2004 và cháu Lò Mạnh C, sinh ngày 08/01/2009 đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Chị H và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tòng Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2016/0002783, ngày 26/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Điện Biên (đã nộp).

4.2. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Anh Lò Văn P phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) dự phí phúc thẩm do anh P đã nộp tại biên lai số AA/2016/0003053, ngày 17/12//2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 20/02/2019)./.

Nơi nhận:

- Tòa án huyện Đ;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lương Tiến Phương